

Số: 04TH – 2023

V/v kê khai giá hàng hóa

Nha Trang, ngày 01 tháng 04 năm 2023

Kính gửi: Sở Tài Chính Khánh Hòa .

Thực hiện Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/04/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật giá và Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC.

Công Ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Thanh Hải gửi biểu mẫu đăng ký giá Gas gồm các văn bản và nội dung sau:

1. Bảng kê khai mức giá.
2. Bảng giải trình lý do điều chỉnh giá bán hàng hóa, dịch vụ.

Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày **01/04/2023** .

Công Ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Thanh Hải xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của mức giá mà chúng tôi đã kê khai./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Nguyễn Thị Thanh Hải

- Họ tên người nộp Biểu mẫu : NGÔ THỊ CẨM LINH
- Địa chỉ đơn vị thực hiện kê khai: 16B Hồng Lĩnh – P.Phước Hòa – Tp.Nha Trang – T.Khánh Hòa
- Số điện thoại liên lạc : 0258.3877.737
- Email : thanhhaipg@gmail.com

**Ghi nhận ngày nộp Văn bản kê khai giá
của cơ quan tiếp nhận**

Nha Trang, ngày 01 tháng 04 năm 2023

BẢNG KÊ KHAI MỨC GIÁ

(Kèm theo công văn số 08 ngày 01 tháng 04 năm 2023 của Công ty TNHH TM DV Thanh Hải)

Doanh nghiệp là đơn vị kinh doanh hàng hóa và dịch vụ

Mức giá kê khai bán buôn dành cho đại lý cụ thể như sau:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Quy cách, chất lượng	Đơn vị tính	Mức giá kê khai hiện hành (ĐVT: đồng)	Mức giá kê khai mới (ĐVT: đồng)	Mức tăng/giảm	Tỷ lệ % tăng/giảm
1	Hơi gas bình 12kg Origin/Phoenix	Bình 12kg	Bình	337,500	282,500	(55,000)	-19.5
2	Hơi gas bình 45kg Origin/Phoenix	Bình 45kg	Bình	1,266,390	1,060,140	(206,250)	-19.5
3	Hơi gas Petrolimex	Bình 12kg	Bình	421,000	355,000	(66,000)	-18.6
4	Hơi gas bình 12kg H - gas	Bình 12kg	Bình	335,500	275,500	(60,000)	-21.8
5	Hơi gas bình 45kg H - gas	Bình 45kg	Bình	1,257,015	1,032,015	(225,000)	-21.8
6	Hơi gas bình 12kg PTVN	Bình 12kg	Bình	371,500	316,500	(55,000)	-17.4
7	Hơi gas bình 45kg PTVN	Bình 45kg	Bình	1,395,250	1,189,000	(206,250)	-17.3
8	Hơi gas bình 12kg An - gas	Bình 12kg	Bình	388,500	333,500	(55,000)	-16.5
9	Hơi gas bình 45kg An - gas	Bình 45kg	Bình	1,457,640	1,251,390	(206,250)	-16.5
10	Hơi gas bình 12kg V-gas	Bình 12kg	Bình	337,500	282,500	(55,000)	-19.5
11	Hơi gas bình 12kg SP	Bình 12kg	Bình	337,500	282,500	(55,000)	-19.5
12	Hơi gas bình 12kg dầu khí	Bình 12kg	Bình	337,500	282,500	(55,000)	-19.5
13	Hơi gas Elf - gas	Bình 12kg	Bình	428,000	366,000	(62,000)	-16.9

* Mức giá trên đã bao gồm thuế VAT

* Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/04/2023

Nha Trang, ngày 01 tháng 04 năm 2023

BẢNG KÊ KHAI MỨC GIÁ

(Kèm theo công văn số 08 ngày 01 tháng 04 năm 2023 của Công ty TNHH TM DV Thanh Hải)

Doanh nghiệp là đơn vị kinh doanh hàng hóa và dịch vụ

Mức giá kê khai bán lẻ dành cho người tiêu dùng cụ thể như sau:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Quy cách, chất lượng	Đơn vị tính	Mức giá kê khai hiện hành (ĐVT: đồng)	Mức giá kê khai mới (ĐVT: đồng)	Mức tăng/giảm	Tỷ lệ % tăng/giảm
1	Hơi gas bình 12kg Origin/Phoenix	Bình 12kg	Bình	434,500	379,500	(55,000)	-14.5
2	Hơi gas bình 45kg Origin/Phoenix	Bình 45kg	Bình	1,630,140	1,423,890	(206,250)	-14.5
3	Hơi gas Petrolimex	Bình 12kg	Bình	458,000	392,000	(66,000)	-16.8
4	Hơi gas bình 12kg H-gas	Bình 12kg	Bình	432,500	372,500	(60,000)	-16.1
5	Hơi gas bình 45kg H-gas	Bình 45kg	Bình	1,622,640	1,397,640	(225,000)	-16.1
6	Hơi gas bình 12kg PTVN	Bình 12kg	Bình	468,500	413,500	(55,000)	-13.3
7	Hơi gas bình 45kg PTVN	Bình 45kg	Bình	1,759,000	1,552,750	(206,250)	-13.3
8	Hơi gas bình 12kg An - gas	Bình 12kg	Bình	434,500	374,500	(60,000)	-16.0
9	Hơi gas bình 45kg An - gas	Bình 45kg	Bình	1,630,140	1,423,890	(206,250)	-14.5
10	Hơi gas bình 12kg V-gas	Bình 12kg	Bình	434,500	379,500	(55,000)	-14.5
11	Hơi gas bình 12kg SP	Bình 12kg	Bình	434,500	379,500	(55,000)	-14.5
12	Hơi gas bình 12kg dầu khí	Bình 12kg	Bình	434,500	379,500	(55,000)	-14.5
13	Hơi gas Elf - gas	Bình 12kg	Bình	463,000	401,000	(62,000)	-15.5

* Mức giá trên đã bao gồm thuế VAT

* Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/04/2023

Nha Trang, ngày 01 tháng 04 năm 2023

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

(Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 04 năm 2023 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải)

Tên hàng hóa, dịch vụ : Origin/Phoenix Gas
Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải
Quy cách phẩm chất : Bình 12kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ
DÀNH CHO ĐẠI LÝ**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành (Đ/bình)	Mức giá kê khai mới (Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	Chi phí sản xuất (*)	298,891	248,891	-20.1
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	298,891	248,891	-20.1
	Chi phí nhân công trực tiếp	-	-	
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	1,714	1,714	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	305,605	255,605	-19.6
4	Lợi nhuận dự kiến	1,213	1,213	
	Giá bán chưa thuế	306,818	256,818	-19.5
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	30,682	25,682	-19.5
	Giá bán (đã có thuế)	337,500	282,500	-19.5

(*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 04 năm 2023

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

(Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 04 năm 2023 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải)

Tên hàng hóa, dịch vụ : Origin/Phoenix Gas
Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải
Quy cách phẩm chất : Bình 45kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ
DÀNH CHO ĐẠI LÝ**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành (Đ/bình)	Mức giá kê khai mới (Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	Chi phí sản xuất (*)	1,128,192	940,692	-19.9
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	1,128,192	940,692	-19.9
	Chi phí nhân công trực tiếp	-	-	
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	15,210	15,210	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	1,148,402	960,902	-19.5
4	Lợi nhuận dự kiến	2,862	2,862	
	Giá bán chưa thuế	1,151,264	963,764	-19.5
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	115,126	96,376	-19.5
	Giá bán (đã có thuế)	1,266,390	1,060,140	-19.5

(*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 04 năm 2023

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

(Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 04 năm 2023 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải)

Tên hàng hóa, dịch vụ : Petrolimex Gas
Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải
Quy cách phẩm chất : Bình 12kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ
DÀNH CHO ĐẠI LÝ**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành (Đ/bình)	Mức giá kê khai mới (Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	Chi phí sản xuất (*)	374,800	314,800	-19.1
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	374,800	314,800	-19.1
	Chi phí nhân công trực tiếp	-	-	
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	1,714	1,714	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	381,514	321,514	-18.7
4	Lợi nhuận dự kiến	1,213	1,213	
	Giá bán chưa thuế	382,727	322,727	-18.6
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	38,273	32,273	-18.6
	Giá bán (đã có thuế)	421,000	355,000	-18.6

(*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 11 năm 2022

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

(Kèm theo công văn số 08 ngày 01 tháng 11 năm 2022 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải)

Tên hàng hóa, dịch vụ : H-Gas
Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải
Quy cách phẩm chất : Bình 12kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ
DÀNH CHO ĐẠI LÝ**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành (Đ/bình)	Mức giá kê khai mới (Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	Chi phí sản xuất (*)	297,073	242,528	-22.5
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	297,073	242,528	-22.5
	Chi phí nhân công trực tiếp	-	-	
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	1,714	1,714	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	303,787	249,242	-21.9
4	Lợi nhuận dự kiến	1,213	1,213	
	Giá bán chưa thuế	305,000	250,455	-21.8
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	30,500	25,045	-21.8
	Giá bán (đã có thuế)	335,500	275,500	-21.8

(*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 04 năm 2023

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

(Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 04 năm 2023 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải)

Tên hàng hóa, dịch vụ : H-Gas

Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải

Quy cách phẩm chất : Bình 45kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ
DÀNH CHO ĐẠI LÝ**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành (Đ/bình)	Mức giá kê khai mới (Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	Chi phí sản xuất (*)	1,119,669	915,123	-22.4
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	1,119,669	915,123	-22.4
	Chi phí nhân công trực tiếp	-	-	
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	15,210	15,210	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	1,139,879	935,333	-21.9
4	Lợi nhuận dự kiến	2,862	2,862	
	Giá bán chưa thuế	1,142,741	938,195	-21.8
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	114,274	93,820	-21.8
	Giá bán (đã có thuế)	1,257,015	1,032,015	-21.8

(*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 04 năm 2023

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

(Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 04 năm 2023 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải)

Tên hàng hóa, dịch vụ : Petrovietnam
Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải
Quy cách phẩm chất : Bình 12kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ
DÀNH CHO ĐẠI LÝ**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành (Đ/bình)	Mức giá kê khai mới (Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	Chi phí sản xuất (*)	329,800	279,800	-17.9
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	329,800	279,800	-17.9
	Chi phí nhân công trực tiếp	-	-	
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	1,714	1,714	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	336,514	286,514	-17.5
4	Lợi nhuận dự kiến	1,213	1,213	
	Giá bán chưa thuế	337,727	287,727	-17.4
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	33,773	28,773	-17.4
	Giá bán (đã có thuế)	371,500	316,500	-17.4

(*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 04 năm 2023

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

(Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 04 năm 2023 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải)

Tên hàng hóa, dịch vụ : Petrovietnam
Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải
Quy cách phẩm chất : Bình 45kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ
DÀNH CHO ĐẠI LÝ**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành (Đ/bình)	Mức giá kê khai mới (Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	Chi phí sản xuất (*)	1,244,337	1,056,837	-17.7
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	1,244,337	1,056,837	-17.7
	Chi phí nhân công trực tiếp	-	-	
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	15,210	15,210	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	1,264,547	1,077,047	-17.4
4	Lợi nhuận dự kiến	3,862	3,862	
	Giá bán chưa thuế	1,268,409	1,080,909	-17.3
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	126,841	108,091	-17.3
	Giá bán (đã có thuế)	1,395,250	1,189,000	-17.3

(*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 04 năm 2023

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

(Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 04 năm 2023 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải)

Tên hàng hóa, dịch vụ : An - Gas
Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải
Quy cách phẩm chất : Bình 12kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ
DÀNH CHO ĐẠI LÝ**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành (Đ/bình)	Mức giá kê khai mới (Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	Chi phí sản xuất (*)	344,968	294,968	-17.0
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	344,968	294,968	-17.0
	Chi phí nhân công trực tiếp	-		
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	1,714	1,714	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	351,682	301,682	-16.6
4	Lợi nhuận dự kiến	1,500	1,500	
	Giá bán chưa thuế	353,182	303,182	-16.5
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	35,318	30,318	-16.5
	Giá bán (đã có thuế)	388,500	333,500	-16.5

(*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 04 năm 2023

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

(Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 04 năm 2023 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải)

Tên hàng hóa, dịch vụ : An - Gas

Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải

Quy cách phẩm chất : Bình 45kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ
DÀNH CHO ĐẠI LÝ**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành (Đ/bình)	Mức giá kê khai mới (Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	Chi phí sản xuất (*)	1,301,055	1,113,555	-16.8
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	1,301,055	1,113,555	-16.8
	Chi phí nhân công trực tiếp	-		
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	15,210	15,210	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	1,321,265	1,133,765	-16.5
4	Lợi nhuận dự kiến	3,862	3,862	
	Giá bán chưa thuế	1,325,127	1,137,627	-16.5
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	132,513	113,763	-16.5
	Giá bán (đã có thuế)	1,457,640	1,251,390	-16.5

(*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 04 năm 2023

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

(Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 04 năm 2023 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải)

Tên hàng hóa, dịch vụ : V-gas
Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải
Quy cách phẩm chất : Bình 12kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ
DÀNH CHO ĐẠI LÝ**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành (Đ/bình)	Mức giá kê khai mới (Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	Chi phí sản xuất (*)	298,889	248,889	-20.1
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	298,889	248,889	-20.1
	Chi phí nhân công trực tiếp	-	-	
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	1,714	1,714	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	305,603	255,603	-19.6
4	Lợi nhuận dự kiến	1,215	1,215	
	Giá bán chưa thuế	306,818	256,818	-19.5
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	30,682	25,682	-19.5
	Giá bán (đã có thuế)	337,500	282,500	-19.5

(*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 04 năm 2023

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

(Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 04 năm 2023 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải)

Tên hàng hóa, dịch vụ : SP

Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải

Quy cách phẩm chất : Bình 12kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ
DÀNH CHO ĐẠI LÝ**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành (Đ/bình)	Mức giá kê khai mới (Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	Chi phí sản xuất (*)	298,889	248,889	-20.1
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	298,889	248,889	-20.1
	Chi phí nhân công trực tiếp	-	-	
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	1,714	1,714	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	305,603	255,603	-19.6
4	Lợi nhuận dự kiến	1,215	1,215	
	Giá bán chưa thuế	306,818	256,818	-19.5
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	30,682	25,682	-19.5
	Giá bán (đã có thuế)	337,500	282,500	-19.5

(*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 04 năm 2023

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

(Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 04 năm 2023 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải)

Tên hàng hóa, dịch vụ : Dầu khí
Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải
Quy cách phẩm chất : Bình 12kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ
DÀNH CHO ĐẠI LÝ**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành (Đ/bình)	Mức giá kê khai mới (Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	Chi phí sản xuất (*)	298,889	248,889	-20.1
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	298,889	248,889	-20.1
	Chi phí nhân công trực tiếp	-	-	
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	1,714	1,714	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	305,603	255,603	-19.6
4	Lợi nhuận dự kiến	1,215	1,215	
	Giá bán chưa thuế	306,818	256,818	-19.5
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	30,682	25,682	-19.5
	Giá bán (đã có thuế)	337,500	282,500	-19.5

(*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 04 năm 2023

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

(Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 04 năm 2023 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải)

Tên hàng hóa, dịch vụ : Elf - Gas
Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải
Quy cách phẩm chất : Bình 12,5kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ
DÀNH CHO ĐẠI LÝ**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành (Đ/bình)	Mức giá kê khai mới (Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	Chi phí sản xuất (*)	379,677	323,313	-17.4
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	379,677	323,313	-17.4
	Chi phí nhân công trực tiếp	-	-	
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	2,714	2,714	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	387,391	331,027	-17.0
4	Lợi nhuận dự kiến	1,700	1,700	
	Giá bán chưa thuế	389,091	332,727	-16.9
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	38,909	33,273	-16.9
	Giá bán (đã có thuế)	428,000	366,000	-16.9

(*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 04 năm 2023

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

(Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 04 năm 2023 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải)

Tên hàng hóa, dịch vụ : Origin/Phoenix Gas
Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải
Quy cách phẩm chất : Bình 12kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ
DÀNH CHO NGƯỜI TIÊU DÙNG**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành (Đ/bình)	Mức giá kê khai mới (Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	Chi phí sản xuất (*)	336,106	286,106	-17.5
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	336,106	286,106	-17.5
	Chi phí nhân công trực tiếp	-	-	
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	44,169	44,169	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	385,275	335,275	-14.9
4	Lợi nhuận dự kiến	9,725	9,725	
	Giá bán chưa thuế	395,000	345,000	-14.5
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	39,500	34,500	-14.5
	Giá bán (đã có thuế)	434,500	379,500	-14.5

(*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 04 năm 2023

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

(Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 04 năm 2023 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải)

Tên hàng hóa, dịch vụ : Origin/Phoenix Gas
Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải
Quy cách phẩm chất : Bình 45kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ
DÀNH CHO NGƯỜI TIÊU DÙNG**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành (Đ/bình)	Mức giá kê khai mới (Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	Chi phí sản xuất (*)	1,334,327	1,146,827	-16.3
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	1,334,327	1,146,827	-16.3
	Chi phí nhân công trực tiếp	-	-	
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	131,115	131,115	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	1,470,442	1,282,942	-14.6
4	Lợi nhuận dự kiến	11,503	11,503	
	Giá bán chưa thuế	1,481,945	1,294,445	-14.5
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	148,195	129,445	-14.5
	Giá bán (đã có thuế)	1,630,140	1,423,890	-14.5

(*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 04 năm 2023

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

(Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 04 năm 2023 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải)

Tên hàng hóa, dịch vụ : Petrolimex Gas
Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải
Quy cách phẩm chất : Bình 12kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ
DÀNH CHO NGƯỜI TIÊU DÙNG**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành (Đ/bình)	Mức giá kê khai mới (Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	Chi phí sản xuất (*)	371,164	311,164	-19.3
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	371,164	311,164	-19.3
	Chi phí nhân công trực tiếp	-	-	
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	34,839	34,839	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	411,003	351,003	-17.1
4	Lợi nhuận dự kiến	5,361	5,361	
	Giá bán chưa thuế	416,364	356,364	-16.8
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	41,636	35,636	-16.8
	Giá bán (đã có thuế)	458,000	392,000	-16.8

(*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 04 năm 2023

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

(Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 04 năm 2023 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải)

Tên hàng hóa, dịch vụ : H Gas
Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải
Quy cách phẩm chất : Bình 12kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ
DÀNH CHO NGƯỜI TIÊU DÙNG**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành (Đ/bình)	Mức giá kê khai mới (Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai lần kê
1	Chi phí sản xuất (*)	350,432	295,886	-18.4
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	350,432	295,886	-18.4
	Chi phí nhân công trực tiếp	-	-	
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	33,250	33,250	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	388,682	334,136	-16.3
4	Lợi nhuận dự kiến	4,500	4,500	
	Giá bán chưa thuế	393,182	338,636	-16.1
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	39,318	33,864	-16.1
	Giá bán (đã có thuế)	432,500	372,500	-16.1

(*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 04 năm 2023

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

(Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 04 năm 2023 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải)

Tên hàng hóa, dịch vụ : H Gas
Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải
Quy cách phẩm chất : Bình 45kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ
DÀNH CHO NGƯỜI TIÊU DÙNG**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành (Đ/bình)	Mức giá kê khai mới (Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	Chi phí sản xuất (*)	1,327,509	1,122,964	-18.2
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	1,327,509	1,122,964	-18.2
	Chi phí nhân công trực tiếp	-	-	
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	131,115	131,115	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	1,463,624	1,259,079	-16.2
4	Lợi nhuận dự kiến	11,503	11,503	
	Giá bán chưa thuế	1,475,127	1,270,582	-16.1
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	147,513	127,058	-16.1
	Giá bán (đã có thuế)	1,622,640	1,397,640	-16.1

(*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 04 năm 2023

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

(Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 04 năm 2023 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải)

Tên hàng hóa, dịch vụ : Petrovietnam
Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải
Quy cách phẩm chất : Bình 12kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ
DÀNH CHO NGƯỜI TIÊU DÙNG**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành (Đ/bình)	Mức giá kê khai mới (Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	Chi phí sản xuất (*)	367,015	317,015	-15.8
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	367,015	317,015	-15.8
	Chi phí nhân công trực tiếp	-	-	
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	44,169	44,169	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	416,184	366,184	-13.7
4	Lợi nhuận dự kiến	9,725	9,725	
	Giá bán chưa thuế	425,909	375,909	-13.3
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	42,591	37,591	-13.3
	Giá bán (đã có thuế)	468,500	413,500	-13.3

(*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 04 năm 2023

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

(Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 04 năm 2023 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải)

Tên hàng hóa, dịch vụ : Petrovietnam
Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải
Quy cách phẩm chất : Bình 45kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ
DÀNH CHO NGƯỜI TIÊU DÙNG**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành (Đ/bình)	Mức giá kê khai mới (Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	Chi phí sản xuất (*)	1,448,473	1,260,973	-14.9
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	1,448,473	1,260,973	-14.9
	Chi phí nhân công trực tiếp	-	-	
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	131,115	131,115	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	1,584,588	1,397,088	-13.4
4	Lợi nhuận dự kiến	14,503	14,503	
	Giá bán chưa thuế	1,599,091	1,411,591	-13.3
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	159,909	141,159	-13.3
	Giá bán (đã có thuế)	1,759,000	1,552,750	-13.3

(*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 04 năm 2023

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

(Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 04 năm 2023 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải)

Tên hàng hóa, dịch vụ : An - Gas
Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải
Quy cách phẩm chất : Bình 12kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ
DÀNH CHO NGƯỜI TIÊU DÙNG**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành (Đ/bình)	Mức giá kê khai mới (Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	Chi phí sản xuất (*)	339,106	289,106	-17.3
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	339,106	289,106	-17.3
	Chi phí nhân công trực tiếp			
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	44,169	44,169	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	388,275	338,275	-14.8
4	Lợi nhuận dự kiến	6,725	6,725	
	Giá bán chưa thuế	395,000	345,000	-14.5
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	39,500	34,500	-14.5
	Giá bán (đã có thuế)	434,500	379,500	-14.5

(*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 04 năm 2023

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

(Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 04 năm 2023 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải)

Tên hàng hóa, dịch vụ : An - Gas
Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải
Quy cách phẩm chất : Bình 45kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ
DÀNH CHO NGƯỜI TIÊU DÙNG**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành (Đ/bình)	Mức giá kê khai mới (Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	Chi phí sản xuất (*)	1,331,327	1,143,827	-16.4
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	1,331,327	1,143,827	-16.4
	Chi phí nhân công trực tiếp	-	-	
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	131,115	131,115	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	1,467,442	1,279,942	-14.6
4	Lợi nhuận dự kiến	14,503	14,503	
	Giá bán chưa thuế	1,481,945	1,294,445	-14.5
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	148,195	129,445	-14.5
	Giá bán (đã có thuế)	1,630,140	1,423,890	-14.5

(*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 04 năm 2023

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

(Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 04 năm 2023 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải)

Tên hàng hóa, dịch vụ : V-gas

Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải

Quy cách phẩm chất : Bình 12kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ
DÀNH CHO NGƯỜI TIÊU DÙNG**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành (Đ/bình)	Mức giá kê khai mới (Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	Chi phí sản xuất (*)	352,250	302,250	-16.5
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	352,250	302,250	-16.5
	Chi phí nhân công trực tiếp	-	-	
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	33,250	33,250	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	390,500	340,500	-14.7
4	Lợi nhuận dự kiến	4,500	4,500	
	Giá bán chưa thuế	395,000	345,000	-14.5
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	39,500	34,500	-14.5
	Giá bán (đã có thuế)	434,500	379,500	-14.5

(*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 04 năm 2023

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

(Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 04 năm 2023 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải)

Tên hàng hóa, dịch vụ : SP

Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải

Quy cách phẩm chất : Bình 12kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ
DÀNH CHO NGƯỜI TIÊU DÙNG**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành (Đ/bình)	Mức giá kê khai mới (Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	Chi phí sản xuất (*)	352,250	302,250	-16.5
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	352,250	302,250	-16.5
	Chi phí nhân công trực tiếp	-	-	
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	33,250	33,250	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	390,500	340,500	-14.7
4	Lợi nhuận dự kiến	4,500	4,500	
	Giá bán chưa thuế	395,000	345,000	-14.5
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	39,500	34,500	-14.5
	Giá bán (đã có thuế)	434,500	379,500	-14.5

(*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 04 năm 2023

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

(Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 04 năm 2023 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải)

Tên hàng hóa, dịch vụ : Dầu khí

Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải

Quy cách phẩm chất : Bình 12kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ
DÀNH CHO NGƯỜI TIÊU DÙNG**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành (Đ/bình)	Mức giá kê khai mới (Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	Chi phí sản xuất (*)	352,250	302,250	-16.5
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	352,250	302,250	-16.5
	Chi phí nhân công trực tiếp	-	-	
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	33,250	33,250	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	390,500	340,500	-14.7
4	Lợi nhuận dự kiến	4,500	4,500	
	Giá bán chưa thuế	395,000	345,000	-14.5
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	39,500	34,500	-14.5
	Giá bán (đã có thuế)	434,500	379,500	-14.5

(*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 04 năm 2023

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

(Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 04 năm 2023 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải)

Tên hàng hóa, dịch vụ : Elf Gas

Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải

Quy cách phẩm chất : Bình 12,5kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ
DÀNH CHO NGƯỜI TIÊU DÙNG**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành (Đ/bình)	Mức giá kê khai mới (Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	Chi phí sản xuất (*)	375,159	318,795	-17.7
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	375,159	318,795	-17.7
	Chi phí nhân công trực tiếp			
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	33,250	33,250	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	413,409	357,045	-15.8
4	Lợi nhuận dự kiến	7,500	7,500	
	Giá bán chưa thuế	420,909	364,545	-15.5
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	42,091	36,455	-15.5
	Giá bán (đã có thuế)	463,000	401,000	-15.5

(*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu